

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TÌM HIỂU VỀ CÁC HÀNH VI NGÔN NGỮ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG GIAO TIẾP VỢ CHỒNG NÔNG DÂN NGƯỜI VIỆT GIAI ĐOẠN 1930-1945*

A STUDY ON SPEECH ACTS USED IN VIETNAMESE PEASANT SPOUSES' COMMUNICATION DURING 1930-1945

KHUẤT THỊ LAN

(TS; Trường Đại học Sư phạm II, Hà Nội)

Abstract: This article shows that speech acts used in the peasant spouses' communication during 1930-1945 are abundant and their frequencies of usage are not regular. There are some groups of acts with high frequencies of occurrence and yet some other groups with low frequencies. What leads to this phenomenon is the domination of certain social factors over the peasant spouses' communication. However, it is undeniable that through their use of speech acts, their habits, their characteristics of thinking, of social classes and a depth of culture values which have reigned in every Viet peasant family for thousands of generations are clearly evident.

Key words: speech acts; the peasant spouses'.

1. Đặt vấn đề

Hành vi ngôn ngữ (*speech act*; còn gọi là hành động ngôn ngữ, hành động ngôn từ, hành động nói,...) được hiểu “là những phát ngôn mà khi người ta nói chúng ra thì đồng thời người ta thực hiện ngay cái việc được biểu thị trong phát ngôn” [1, tr 88]. Theo J.Austin (1962), khi sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp cũng là đồng thời thực hiện 3 hành vi: hành vi tạo lời (*locutionary act*), hành vi mượn lời (*perlocutionary act*) và hành vi ở lời (*illocutionary act*). Hành vi tạo lời là hành vi sử dụng các yếu tố của ngôn ngữ (như ngữ âm, từ,...), các quy tắc của ngôn ngữ (như các kiểu kết hợp từ thành câu, v.v) để tạo ra các phát ngôn có ý nghĩa trong ngôn ngữ. Hành vi mượn lời là hành vi sử dụng (có thể coi là “mượn”) phương tiện ngôn ngữ để gây ra một hiệu quả ngoài ngôn ngữ đối với người nghe, người nhận, có khi ở chính người nói. Hành vi ở lời là hành vi người phát ngôn thực hiện ngay trong phát ngôn của mình và tạo ra những hiệu quả thuộc ngôn ngữ (phản ứng ngôn ngữ tương ứng với chúng ở người nhận). Trong đó, hành vi ở lời là một trong những phát hiện quan trọng của ngôn ngữ học nghiên

cứu theo chức năng giao tiếp. Theo O.Ducrot, “Mỗi hành vi ở lời còn có khả năng làm thay đổi tư cách pháp nhân của người đối thoại. Chúng đặt người nói và người nghe vào những nghĩa vụ và quyền lợi mới so với tình trạng của họ trước khi hành vi ở lời đó được nói ra” [Dẫn theo 1, tr 90].

Trong bài viết này, chúng tôi vận dụng lí thuyết trên để khảo sát các hành vi ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp của vợ chồng nông dân người Việt từ các tác phẩm văn học 1930-1945.

2. Khảo sát cụ thể

Tiến hành khảo sát, thống kê trên tổng số 200 cuộc thoại của vợ chồng nông dân trong các tác phẩm văn học tiêu biểu (của Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Thạch Lam, Tô Hoài, Kim Lân, Bùi Hiển, Khái Hưng, Nhất Linh), chúng tôi thu được kết quả như sau:

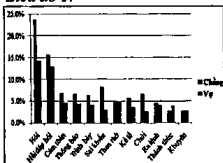
1) Vợ chồng nông dân: sử dụng tổng số 1891 hành vi ngôn ngữ. Trong đó: vợ sử dụng 1156/1891 hành vi ngôn ngữ, tương đương 61,1%; chồng sử dụng 735/1891 hành vi ngôn ngữ, tương đương 38,9%.

2) Các hành vi ngôn ngữ mà vợ và chồng sử dụng có tần suất khác nhau. Chúng tôi tạm thời phân loại thành 3 nhóm hành vi ngôn ngữ như sau:

Bảng 1:

TT	Loại hành vi	Tổng số	Vợ (1156)	Chồng (735)	TT	Loại hành vi	Tổng số	Vợ (1156)	Chồng (735)
1	Hỏi	340	165 14,3%	175 23,8%	7	Than thở	90	55 4,8%	35 4,8%
2	Hỏi đáp hỏi	265	150 13,0%	115 15,6%	8	Kể lể	84	42 3,6%	42 5,7%
3	Cảm thán	104	54 4,7%	50 6,8%	9	Chửi	78	30 2,6%	48 6,5%
4	Thông báo	98	50 4,3%	48 6,5%	10	Ra lệnh	78	46 4,0%	32 4,4%
5	Trình bày	96	49 4,2%	47 6,4%	11	Thách thức	66	46 4,0%	20 2,7%
6	Sai khiến	94	34 2,9%	60 8,2%	12	Khuyến	52	32 2,7%	20 2,7%

Biểu đồ 1:



Nhận xét:

Đây là nhóm hành vi ngôn ngữ được dùng với tần suất cao (gồm 12 loại hành vi, số lượng 1445/1891, chiếm 76,4%). Các hành vi ngôn ngữ này xuất hiện không đồng đều, có hành vi được sử dụng với số lượng vượt trội (như hỏi và hỏi đáp hỏi, cảm thán, thông báo, trình bày, sai khiến), có hành vi được sử dụng với tần suất thấp hơn (than thở, thách thức, ra lệnh, khuyến, kể lể, chửi), song nhìn chung đây là nhóm hành vi được sử dụng với tần suất cao trong giao tiếp vợ chồng nông dân. Theo nghiên cứu của chúng tôi, nhóm hành vi này được thực hiện nhiều là bởi những lý do:

Thứ nhất là do đặc trưng của các hành vi ngôn ngữ: Nhóm hành vi ngôn ngữ trên có chức năng điều khiển và bộc lộ cảm xúc với những hiệu lực hỏi đáp, thông báo, trình bày,

2.1. Những hành vi ngôn ngữ được sử dụng với tần suất cao

Kết quả thống kê:

sai khiến, than thở, khuyến,... Có thể xem đây là những hành vi ngôn ngữ có khả năng diễn tả được mọi cung bậc cảm xúc, trạng thái, suy nghĩ, tình cảm,... của con người. Vì thế mà chúng được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp của vợ chồng nói chung và vợ chồng nông dân nói riêng.

Thứ hai là do đặc trưng giai cấp: Nông dân là giai cấp lao động chân tay, có trình độ học vấn thấp, vốn hiểu biết văn hóa hạn hẹp. Họ là lực lượng sản xuất chính nhưng lại là giai cấp cơ bản bị áp bức, bóc lột. Những người nông dân thấp cổ bé họng luôn phải chịu nhiều bất công nhất trong xã hội. Họ gặp rất nhiều hạn chế trong giao tiếp và chỉ giao tiếp khi thực sự cần khai thác thông tin hoặc khi cảm thấy cuộc sống quá bức bối. Vì thế mà trong giao tiếp của vợ chồng nông dân, các hành vi: hỏi, trình bày, thông báo, cảm thán hay những hành vi than thở, khuyến, kể lể,... thường được thực hiện nhiều nhất. Ví dụ:

- Trời đất ơi! Cắm cả nhà đất để làm chuông xi! An nói như thế thì còn trời đất nào nữa?... Thế sao thấy em không đến ông cậu hỏi tạm lấy một đồng vậy?

- Có! Tôi có hỏi! nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Ông ấy nhểc mãi vợ chồng sức dài,

vai rộng mà có vài ba đồng bạc tiền sưu mà cũng không chạy nổi...

Chị Dậu giậm chân xuống đất:

- Khôn nản! Ấy ông cậu đây! Ông cậu giàu có nút đố lá vách, cả đời cháu mới hỏi vay mấy đồng, còn nữ nhiếc móc như thế, trách chi người ngoài!... Thế bây giờ thầy em đã định hay chưa?

(Tuyển tập Ngô Tất Tố - *Tắt đèn*, tr. 28)

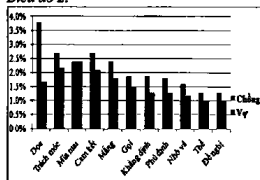
Hành vi than thở, kể lể và hành vi hỏi đã liên tiếp được chị Dậu thực hiện trong đoạn hội thoại trên. Thông qua những hành vi than,

Kết quả thống kê:

Bảng 2:

TT	Loại hành vi	Tổng số	Vợ (/1156)	Chồng (/735)	TT	Loại hành vi	Tổng số	Vợ (/1156)	Chồng (/735)
1	Đọa	48	20 1,7%	28 3,8%	7	Khẳng định	30	16 1,3%	14 1,9%
2	Trách móc	46	26 2,2%	20 2,7%	8	Phủ định	28	15 1,3%	13 1,8%
3	Mĩa mai	46	28 2,4%	18 2,4%	9	Nhờ vả	26	14 1,2%	12 1,6%
4	Cam kết	44	24 2,1%	20 2,7%	10	Thề	22	12 1,0%	10 1,3%
5	Mắng	39	21 1,8%	18 2,4%	11	Đề nghị	21	11 1,0%	10 1,3%
6	Gọi	32	18 1,5%	14 1,9%					

Biểu đồ 2:



Nhận xét:

Tuy không được thực hiện ở mức độ nhiều nhưng nhóm hành vi này cũng được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp của vợ chồng nông dân, gồm 11 loại hành vi, số lượng 382/1891 (chiếm 20,2%). Nhóm hành vi này được sử dụng trong giao tiếp của vợ chồng nông dân với tần suất trung bình theo chúng tôi là bởi những nguyên nhân sau:

kể lể của chị Dậu, người đọc thấy được cuộc sống khó khăn đến cùng cực của gia đình chị Dậu. Bên cạnh đó, nó còn giúp ta nhận ra bộ mặt thật xấu xa của những con người có tiền, có của trong xã hội lúc bấy giờ. Những con người coi trọng đồng tiền hơn tình nghĩa. Những loại hành vi như thế này ta bắt gặp tương đối nhiều trong giao tiếp của vợ chồng nông dân.

2.2. Những hành vi ngôn ngữ được sử dụng với tần suất trung bình

Do quan niệm xã hội và tính cách của mỗi giới: Quan niệm của xã hội về hôn nhân có hai thái cực. Một là hòa hợp, hạnh phúc và hai là ngược lại. Khi vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc thì những hành vi có đích chia sẻ, giải bày, khuyên nhủ được thực hiện nhiều. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thì các hành vi có đích trách móc, miã mai, đe dọa,... được sử dụng nhiều ở cả vợ và chồng. Nhưng đáng lưu ý là chồng sử dụng nhiều hành vi dọa, mắng, chửi, còn vợ lại sử dụng nhiều những hành vi miã mai, trách móc, nhờ vả. Có hiện tượng này, theo chúng tôi là do đặc trưng tính cách giới chi phối (nam giới sử dụng nhiều hành vi ngôn ngữ mang tính uy lực và nữ giới lại sử dụng nhiều hành vi phân trần).

Do tác động của xã hội và mức độ gắn bó tình cảm vợ chồng: Xã hội Việt Nam giai

đoạn 1930-1945 là xã hội phong kiến mục nát, thối rữa, ... khiến cho rất nhiều giá trị xã hội bị suy thoái. Mức độ gắn bó tình cảm vợ chồng dường như cũng bị ảnh hưởng. Sự sè chia đôi khi lại được biểu hiện dưới hình thức xung đột. Bên cạnh đó, do những tác động xã hội nhất định khiến người nông dân có bản chất thô kệch. Đối với họ, thực tế chỉ là màu xám cho nên họ có những phản ứng với thực tế bằng những hành vi mỉa mai, mắng, chửi, dọa, trách móc, ... Đây là những hành vi ngôn ngữ được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp của vợ chồng nông dân. Ví dụ:

- *Bu mày chịu khó đi đong chịu vậy?*

- *Tôi không rồi!*

Hắn đã lộn tiết lên rồi, không còn nhận được. Mất hẳn trọn lên. Hắn gườm nhìn vợ một giây, rồi hục hặc:

- *Cái giống nhà mày khó bảo!*

Mất người vợ đã rần rần nước. Hắn biết là hắn thắng. Chỉ cần khéo hơn một chút. Hắn lại xoay ra đầu dụ:

Kết quả thống kê:

Bảng 3:

TT	Loại hành vi	Tổng số	Vợ (/1156)	Chồng (/735)	TT	Loại hành vi	Tổng số	Vợ (/1156)	Chồng (/735)
1	Rào đón	10	7 0,6%	3 0,4%	7	An ủi	5	3 0,2%	2 0,3%
2	Hứa	9	6 0,5%	3 0,4%	8	Đổ dành	4	3 0,2%	1 0,1%
3	Từ chối	7	4 0,3%	3 0,4%	9	Mời	3	2 0,1%	1 0,1%
4	Chê	7	5 0,4%	2 0,3%	10	Khen	3	1 0,05%	2 0,3%
5	Nịnh	6	4 0,3%	2 0,3%	11	Cảm ơn	2	1 0,05%	1 0,1%
6	Dận dò	5	3 0,2%	2 0,3%	12	Xin lỗi	2	1 0,05%	1 0,1%

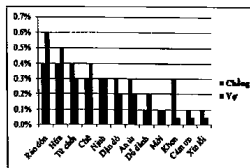
Biểu đồ 3:

- *Cái thú người đầu mà ngang như cua vậy? Phải biết: tao muốn mất tiền làm gì chứ? Nhưng chết cái ăn của người ta mãi, chẳng lẽ không mời lại người ta một bữa thì cái mặt mình còn ra mặt gì?*

(Tuyển tập Nam Cao - *Tré con không được ăn thịt chó*, tr.143)

Trong đoạn hội thoại trên, hàng loạt các hành vi ngôn ngữ như: sai khiến “*Bu mày chịu khó đi đong chịu vậy?*”, chửi “*Cái giống nhà mày khó bảo!*”, “*Cái thú người đầu mà ngang như cua vậy?*” đã được người chồng thực hiện. Điều này cho thấy phần nào bản chất thô lỗ, cục cằn của người chồng nông dân. Đồng thời qua đây cũng thấy một thực tế rằng trong xã hội Việt Nam thời đó, người chồng đã được ban cho một đặc ân là thống trị, gia trưởng, ... mà ít xã hội nào có được. Chính điều này là nguyên nhân làm xuất hiện những hành vi ngôn ngữ hống hách như đã thấy.

2.3. Những hành vi ngôn ngữ được sử dụng với tần suất thấp



Nhận xét:

Thuộc nhóm này theo thống kê của chúng tôi có 12 loại hành vi ngôn ngữ như: rào đón, nịnh, dăn dò, dỗ dành, khen, chê, thề, hứa, xin lỗi,.... Đây là những hành vi có tần suất sử dụng thấp nhất trong giao tiếp của vợ chồng nông dân (64/1891, chiếm 3,4%). Chúng tôi cho rằng, hiện tượng này được xuất phát từ nguyên nhân sau:

Thứ nhất là do đặc trưng của các hành vi ngôn ngữ: Nhóm hành vi ngôn ngữ trên thuộc nhóm ứng xử, có tính lịch sự cao. Đặc biệt, những hành vi như rào đón, khen, xin lỗi, dỗ dành, dăn dò,... là những hành vi ngôn ngữ bản chất vốn mang tính lịch sự dương tính, phù hợp với lĩnh vực giao tiếp chính thống hơn là giao tiếp gia đình mang tính thân mật, suồng sã. Đây là những hành vi ngôn ngữ được sử dụng hạn chế trong giao tiếp gia đình vì nó mang tính xã giao. Đặc biệt, trong giao tiếp vợ chồng nông dân thì những hành vi ngôn ngữ này lại càng trở nên đặc biệt khách sáo và không được ưa dùng.

Thứ hai là do đặc trưng tính cách của người nông dân: Họ là những người có tính cách thật thà, chân chất, không ưa hình thức, thậm chí thô kệch. Đôi khi những phép lịch sự tối thiểu trong giao tiếp đối với vợ chồng người nông dân lại trở thành xa xỉ. Vì thế, trong giao tiếp nói chung và trong giao tiếp của vợ chồng nông dân nói riêng, các hành vi ngôn ngữ mà bản chất vốn mang tính lịch sự dương tính như: mời, khen, xin lỗi, cảm ơn, xin lỗi,... được thực hiện với tần suất thấp cũng là điều dễ hiểu. Ví dụ:

- *Chồng ngoan!... Rồi tôi thương.*

(...) *Vì thế chị đem về đủ nửa chai. Lại kèm thêm một cái đùi gà. Anh chồng sướng quá, reo lên:*

- *Áy chà! - Thế thì nhất bu mày! Nhất vợ nhì trời!*

(Tuyển tập Nam Cao - *Rình trộm*, tr.132-133)

Các hành vi dỗ dành, cung nịnh của anh Tè với vợ "*Chồng ngoan!... Rồi tôi thương*" và hành vi khen, nịnh "*Áy chà! - Thế thì nhất bu mày! Nhất vợ nhì trời!*" như thế này hiếm hoi lắm ta mới bắt gặp trong giao tiếp của vợ chồng nông dân. Dù xuất hiện rất ít ỏi, song phần nào nó cũng khiến chúng ta có những suy nghĩ ngược chiều so với quan niệm trước đây rằng vợ chồng nông dân thô kệch, không đảm thắm mặn mà. Đồng thời, nó còn khiến ta cảm thấy bất ngờ về sự thi vị, ấm áp trong quan hệ vợ chồng nông dân mà trước nay ta vốn mặc định là khô có thể.

3. Kết luận

Như vậy, có thể thấy, hành vi ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp của vợ chồng nông dân rất phong phú và tần suất sử dụng giữa các hành vi không đồng đều. Có nhóm hành vi ngôn ngữ được sử dụng với tần suất cao nhưng cũng có nhóm được sử dụng với tần suất thấp. Sở dĩ có hiện tượng này là do sự chi phối của một số nhân tố xã hội nhất định đến giao tiếp của vợ chồng nông dân. Song, một điều không thể phủ nhận là thông qua việc sử dụng hành vi ngôn ngữ cho thấy thói quen, đặc trưng tư duy, đặc trưng giai cấp và cả một chiều sâu văn hóa đã ngự trị trong mỗi gia đình nông dân người Việt từ ngàn đời nay.

* Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí từ Quỹ hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHSP Hà Nội 2, mã số: C.2015-18-08.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đỗ Hữu Châu (2003), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Khang (1996), *Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb Giáo dục.
4. Khuất Thị Lan, (2014), *Nghi thức xưng hô trong giao tiếp vợ chồng nông dân người Việt giai đoạn 1930-1945*. T/c Ngôn ngữ và Đời sống.